

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

Số: 03/2025/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 17 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng
theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng
và đối tượng theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người có công với cách
mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và đối tượng theo các
quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm
tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng theo
Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và đối tượng theo các quyết định
của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm
nghĩa vụ quốc tế và người có công giúp đỡ cách mạng (đối tượng quy định tại

điểm 1, m khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng) chưa được hưởng trợ cấp hàng tháng và không đang hưởng lương hưu hoặc không đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Người thờ cúng Bà mẹ Việt Nam anh hùng; người thờ cúng thương binh, bệnh binh và người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên.

3. Đối tượng theo các quyết định sau đây của Thủ tướng Chính phủ:

a) Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 ngày 12 tháng 2007 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg.

b) Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 ngày 5 tháng 2010 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg.

c) Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương.

d) Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.

đ) Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

e) Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a; Quyết định số 62/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg.

g) Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.

h) Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện

1. Hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này:

- a) Mức hỗ trợ: 900.000 đồng/người/tháng.
- b) Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

2. Hỗ trợ đối với đối tượng quy định khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này nhân dịp kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) và Tết Nguyên đán hàng năm:

- a) Mức hỗ trợ: 500.000 đồng/đối tượng được thờ cúng/đợt.
- b) Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách cấp huyện và nguồn vận động hợp pháp khác.

3. Hỗ trợ về nhà ở đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này:

- a) Mức hỗ trợ sửa chữa: 30.000.000 đồng/căn.
- b) Mức hỗ trợ xây mới: 60.000.000 đồng/căn.
- c) Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn vận động hợp pháp khác.

4. Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này đã được hỗ trợ từ nguồn hợp pháp khác thì không được hỗ trợ chính sách tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 4. Cách thức thực hiện

1. Chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này: Vận dụng thực hiện theo Điều 65, Điều 66, Điều 68, Điều 69 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

2. Chính sách hỗ trợ quy định khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này: Vận dụng thực hiện theo Điều 28 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

3. Chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này: Vận dụng thực hiện theo khoản 6 Điều 102 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này

được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 6 thông qua ngày 17 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Dũng